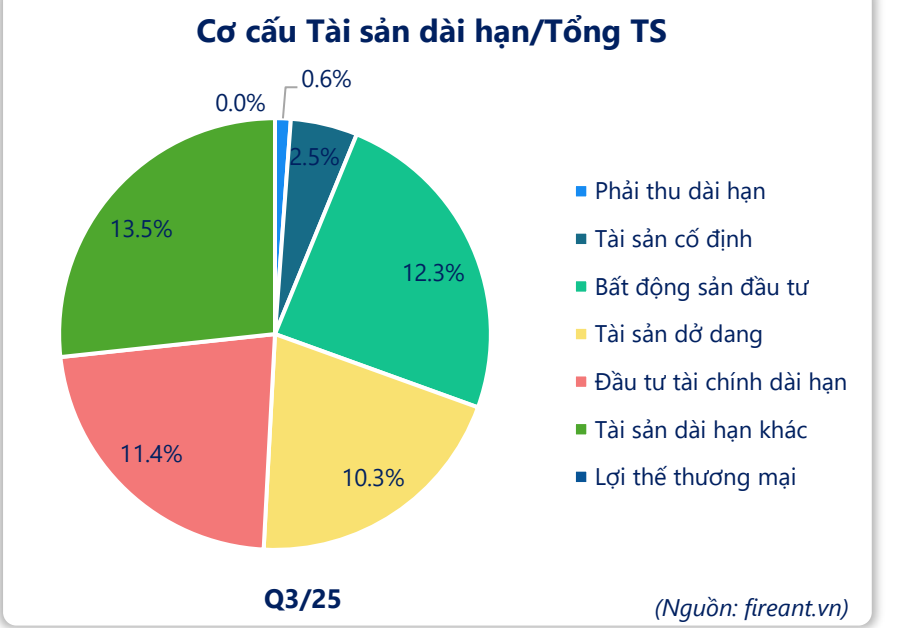
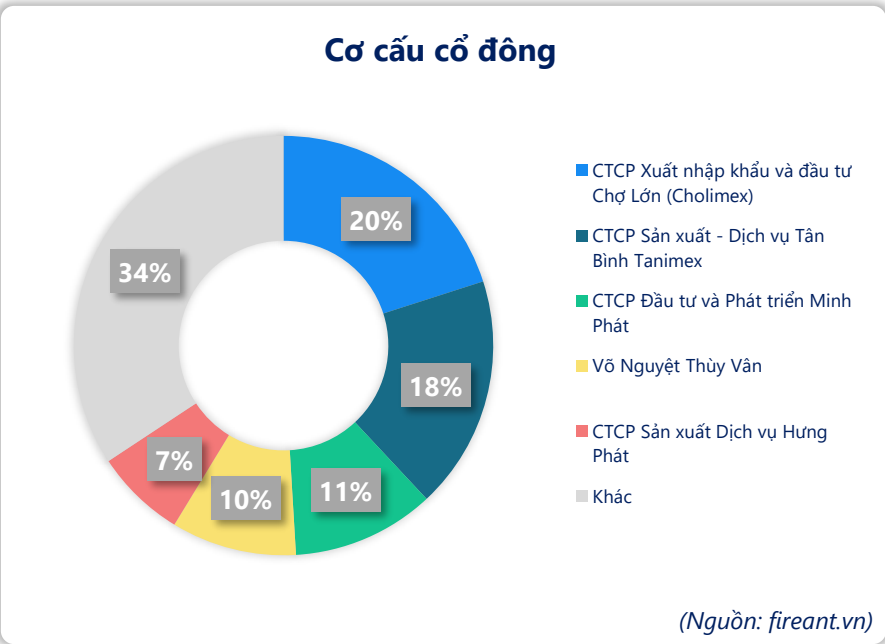
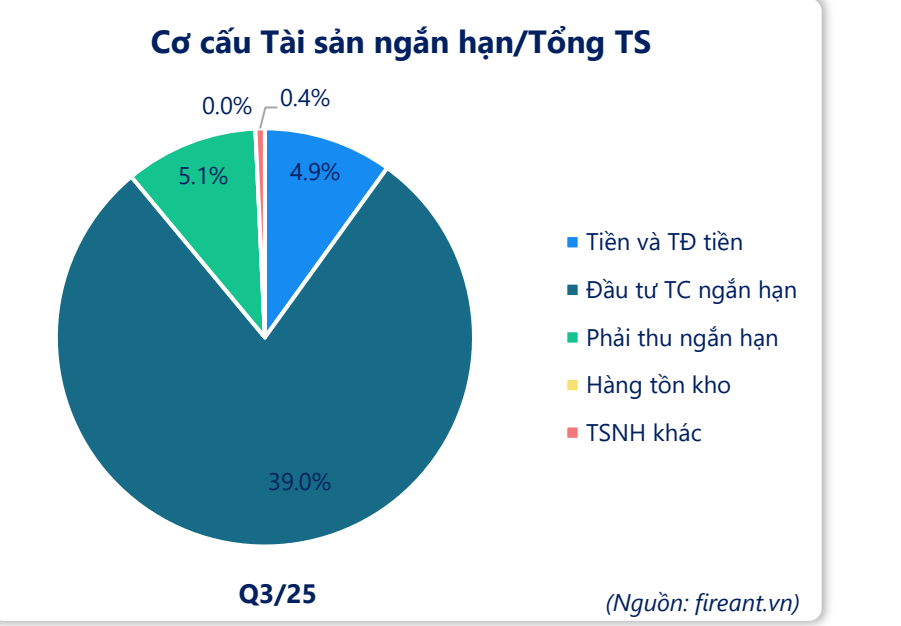
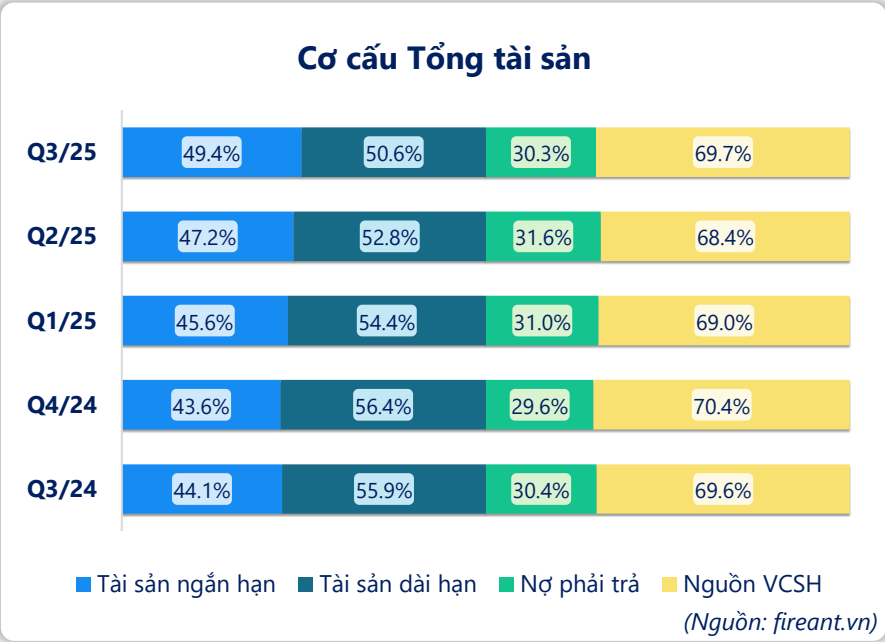
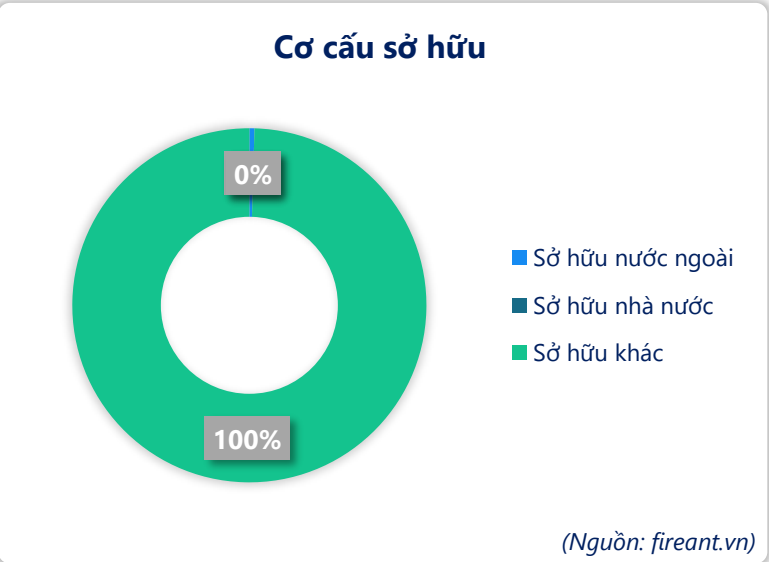
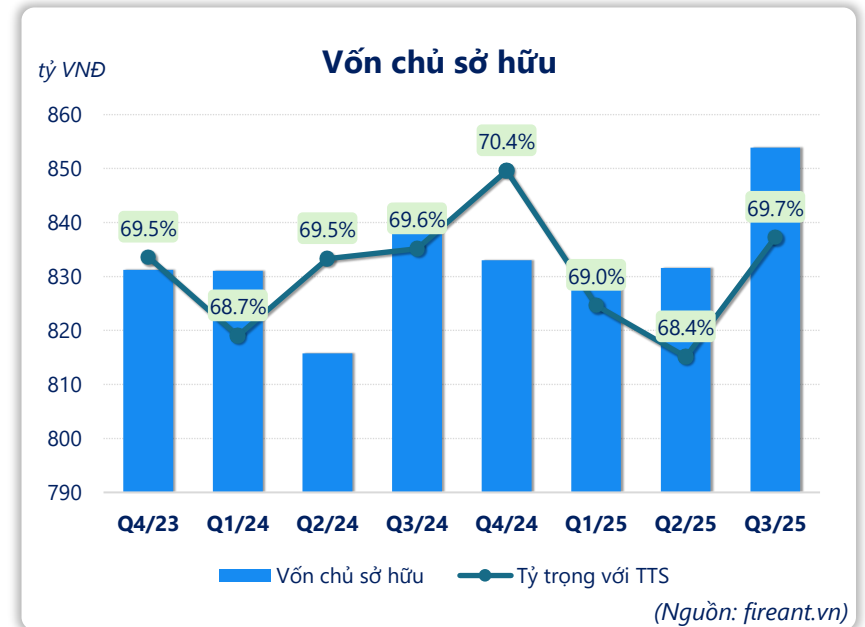
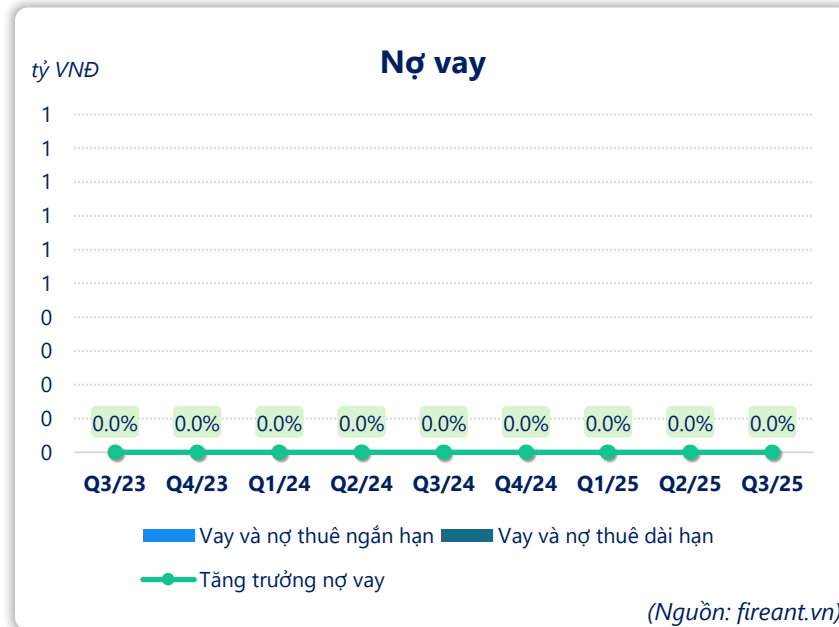
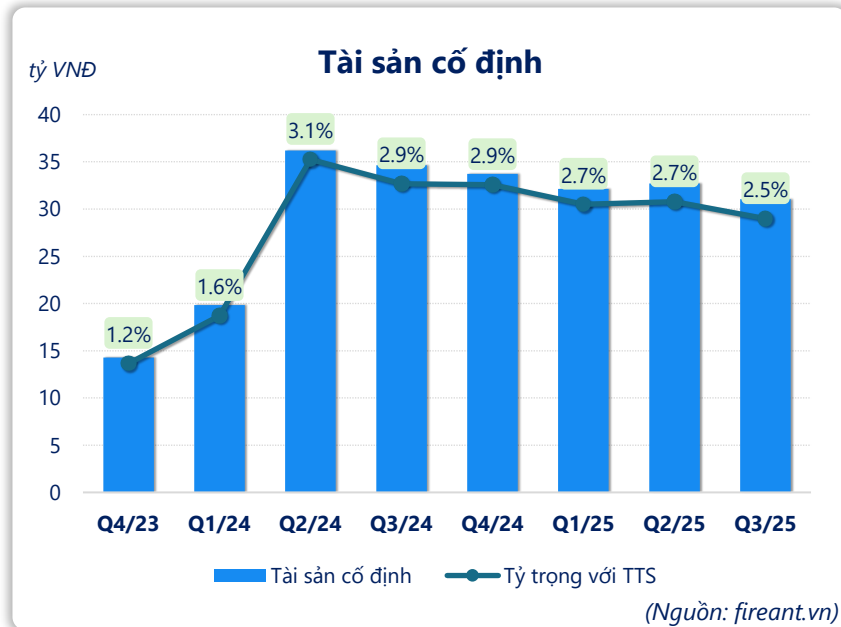
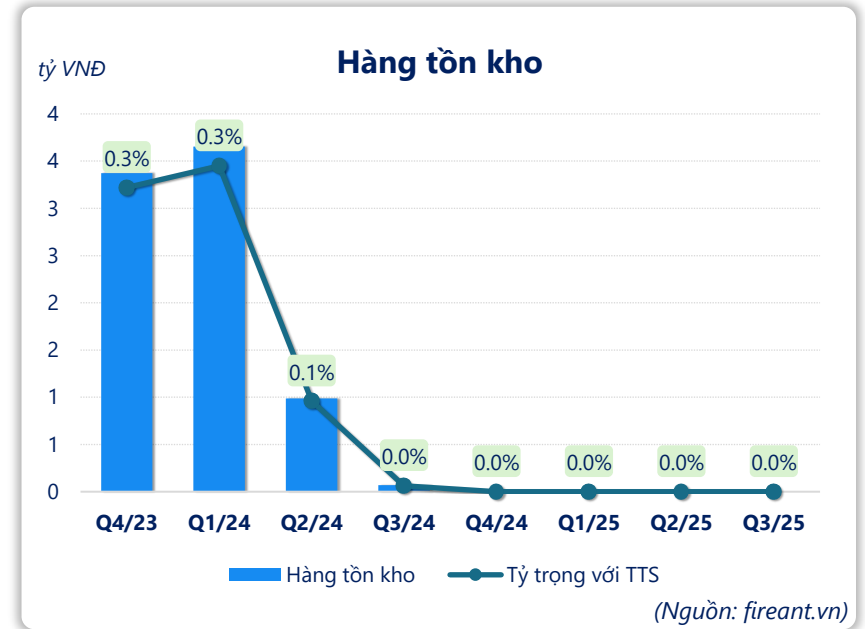
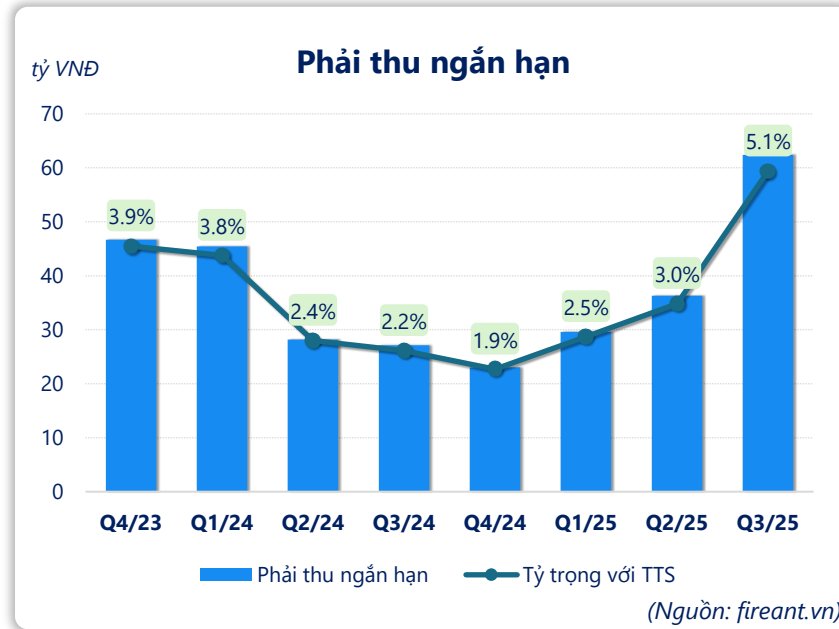
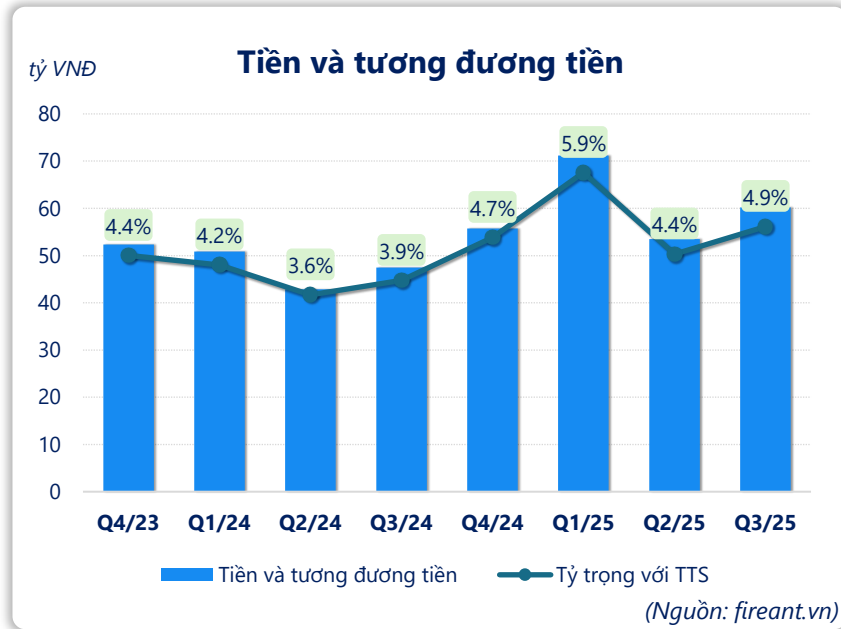
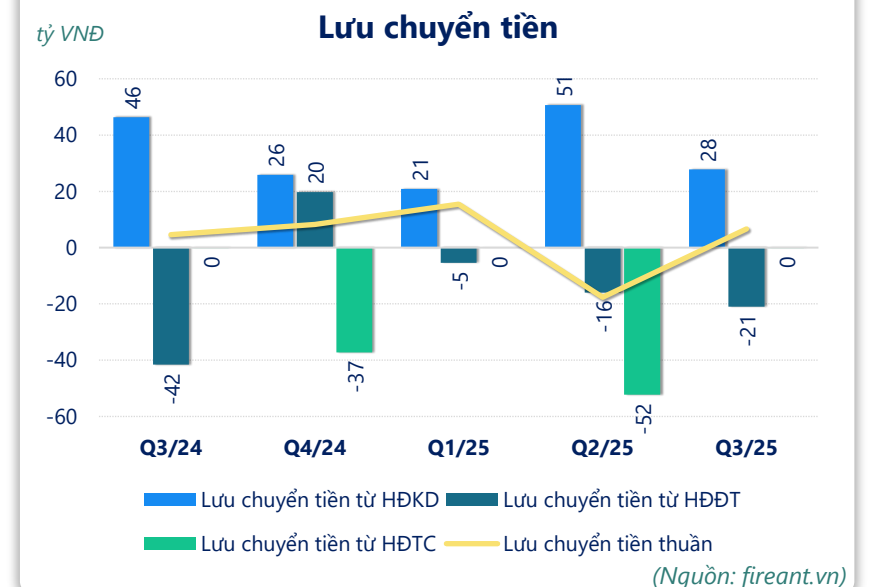
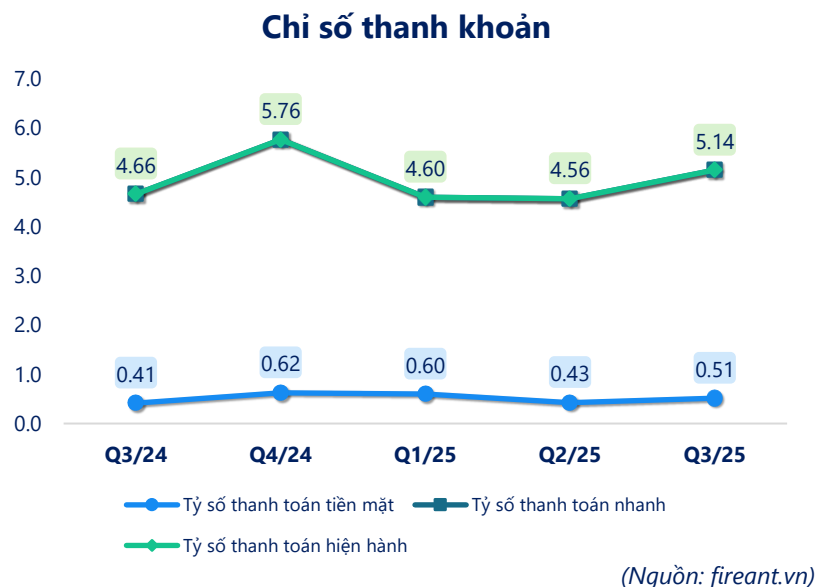
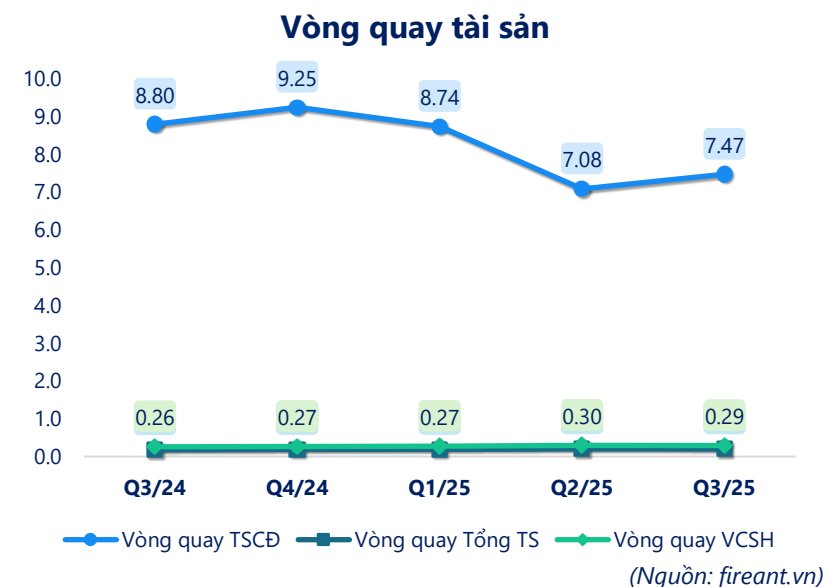
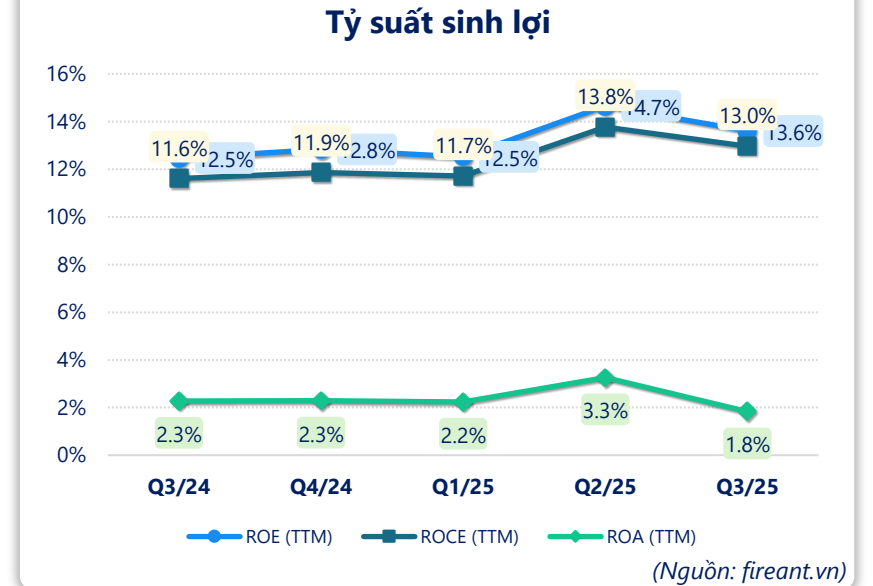
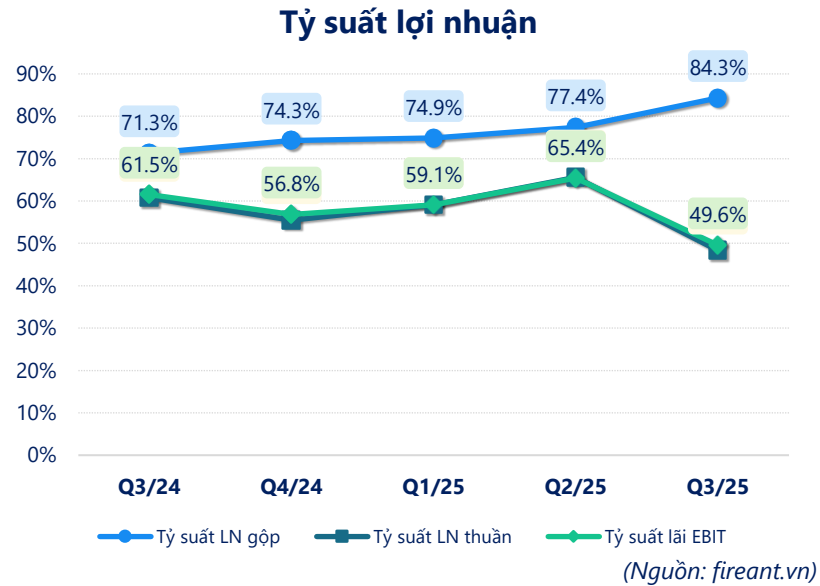
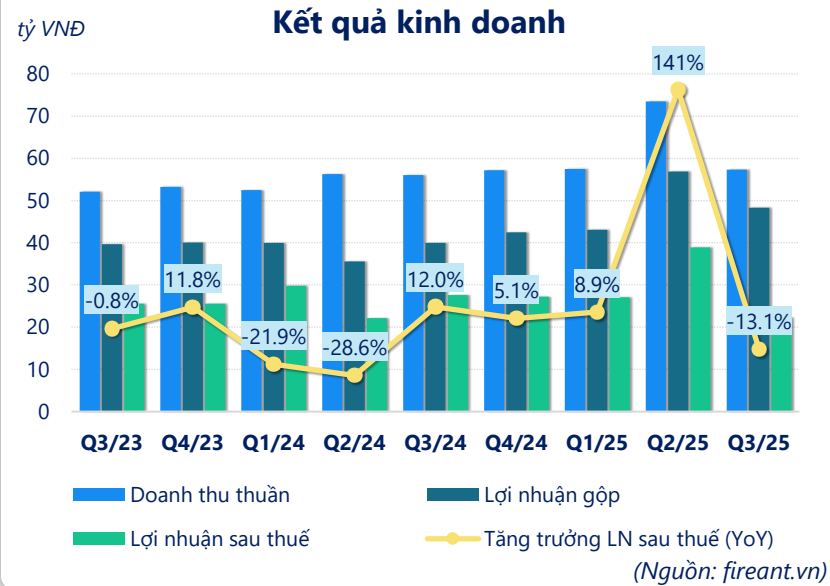


Thông tin giao dịch		30/09/2025
Giá hiện tại (VNĐ)		44,000
Cao nhất 52 tuần (VNĐ)		46,000
Thấp nhất 52 tuần (VNĐ)		28,942
SL cổ phiếu LH		30,000,000
KLGD BQ 20 phiên (CP)		510
% sở hữu nước ngoài		0.5%
Vốn điều lệ (tỷ VNĐ)		
Vốn hóa (tỷ VNĐ)		1,320
P/E		11.4
EPS		3,848

	YTD	1T	3T	6T
TIX	23.0%	7.3%	22.2%	25.4%
VNINDEX	30.9%	-1.2%	20.2%	26.1%







CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tỷ VNĐ)	Tại ngày 30/9/2025	Tại ngày 31/12/2024	Thay đổi
Tổng tài sản	1,225	1,183	3.5%
Tài sản ngắn hạn	605	516	17.4%
Tiền và tương đương tiền	60.2	55.7	8.0%
Đầu tư tài chính ngắn hạn	478	437	9.5%
Phải thu ngắn hạn	62.4	23.0	171%
Hàng tồn kho	0	0	
Tài sản ngắn hạn khác	4.40	0.11	3733%
Tài sản dài hạn	620	668	-7.1%
Phải thu dài hạn	7.28	7.28	0.0%
Tài sản cố định	31.1	33.7	-7.9%
Bất động sản đầu tư	151	176	-14.2%
Tài sản dở dang	126	126	-0.1%
Đầu tư tài chính dài hạn	139	156	-11.0%
Tài sản dài hạn khác	166	168	-1.6%
Lợi thế thương mại	0	0	
Nợ phải trả	371	350	6.0%
Nợ ngắn hạn	118	89.4	31.5%
Vay và nợ thuê ngắn hạn	0	0	
Phải trả người bán ngắn hạn	1.01	2.69	-62.6%
Nợ dài hạn	254	261	-2.7%
Vay và nợ thuê dài hạn	0	0	
Nguồn vốn chủ sở hữu	854	833	2.5%
Vốn chủ sở hữu	854	833	2.5%
Vốn điều lệ	300	300	0.0%
Kinh phí và quỹ khác	0	0	

(Nguồn: fireant.vn)

KẾT QUẢ KINH DOANH (tỷ VNĐ)	Q3/24	Q4/24	Q1/25	Q2/25	Q3/25
Doanh thu thuần	56.0	57.2	57.5	73.5	57.3
Giá vốn hàng bán	16.1	14.7	14.4	16.6	8.98
Lợi nhuận gộp	39.9	42.5	43.0	56.9	48.3
Doanh thu HĐTC	10.3	8.17	10.2	7.87	11.8
Chi phí TC	-0.57	-0.03	2.43	0.00	12.9
Chi phí lãi vay	0	0	0	0	0
LN trong công ty LKLD	0	0	0	0	0
Chi phí bán hàng	10.1	11.8	10.3	10.2	13.4
Chi phí QLDN	6.73	7.16	6.52	6.41	6.23
LN thuần từ HĐKD	34.0	31.7	33.9	48.2	27.7
Lợi nhuận khác	0.42	0.76	0.00	-0.13	0.71
LN trước thuế	34.5	32.5	33.9	48.1	28.4
Lợi nhuận sau thuế	27.6	27.2	27.0	38.9	22.3
LNST của CĐ cty mẹ	27.6	27.2	27.0	38.9	22.3

(Nguồn: fireant.vn)

LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ (tỷ VNĐ)	Q3/24	Q4/24	Q1/25	Q2/25	Q3/25
Lưu chuyển tiền từ HĐKD	46.3	25.9	20.9	50.6	27.8
Lưu chuyển tiền từ HĐĐT	-41.6	19.7	-5.41	-16.0	-20.9
Lưu chuyển tiền từ HĐTC	-0.14	-37.3	-0.05	-52.3	-0.15
Tiền đầu kỳ	42.8	47.4	55.7	71.2	53.5
Lưu chuyển tiền thuần	4.62	8.29	15.4	-17.6	6.68
Ảnh hưởng tỷ giá	0.00	0	0.00	0	0.00
Tiền cuối kỳ	47.4	55.7	71.2	53.5	60.2

(Nguồn: fireant.vn)